

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HSST

Ngày: 26- 03-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Duy Năm và ông Trần Xuân Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà vũ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 03 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 13/2020/HSST ngày 11 tháng 02 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST-HS ngày 9 tháng 3 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Tuấn A, sinh năm: 1981

Tên gọi khác: Sông; Giới tính: Nam

Nơi cư trú: thôn V, xã C, huyện N, tỉnh T.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 01/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Nguyễn Tuấn H, sinh năm: 1958 và bà: Hà Thị T, sinh năm: 1958.

Nhân thân: Ngày 12/10/2009 bị Công an huyện L, tỉnh H ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 19/10/2009 Nguyễn Tuấn A đã nộp tiền phạt.

Ngày 21/01/2011 bị Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh H ra Quyết định đưa vào cơ sở giáo dục. Đã chấp hành xong ngày 09/6/2012.

Ngày 20/12/2013 bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh H tuyên phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 138 BLHS. Đã chấp hành xong bản án và phần án phí hình sự sơ thẩm.

Tiền án, tiền sự: không

Bị can bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/9/2019 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

- Anh Lê Văn K, sinh năm 1980
Địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện T, tỉnh T
- Ông Lê Sỹ T, sinh năm 1964
Địa chỉ: Thôn 9, xã C, huyện N, tỉnh T
- Chị Lê Thị H, sinh năm 1971
Địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện T, tỉnh T
- Bà Trịnh Thị D, sinh năm 1962
Địa chỉ: Thôn Y, xã H, huyện T, tỉnh T
- Chị Trịnh Thị T, sinh năm 1987
Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh T
- Ông Lê Văn X, sinh năm 1963
Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện T, tỉnh T
- Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1982
Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh T
**.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
- Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1981
Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện T, tỉnh T.
- Chị Hà Thị T4, sinh năm 1984
Địa chỉ: Thôn V, xã C, huyện N, tỉnh T
- Anh Lê Đình O, sinh năm 1995
Địa chỉ: SN 118, phố T, xã D, huyện T, tỉnh T

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 7 năm 2019 đến tháng 9 năm 2019, Nguyễn Tuấn A đã 07 lần trộm cắp tài sản, cụ thể các lần như sau:

Lần thứ nhất: khoảng 05 giờ ngày 25 tháng 7 năm 2019, Nguyễn Tuấn A đi xe máy BKS: 36K3-062.44 từ nhà xuống huyện T. Khi đến nhà anh Lê Văn K, sinh năm 1980 ở thôn 3, xã T, huyện T thấy không có người ở nhà nên Tuấn A đi vào, dựng xe ở sân, lấy thanh sắt hình chữ T mang theo để trong cốp xe, cây bung cửa nhà chính, đi thẳng vào buồng, lục trong túi áo ấm lấy được số tiền 11.500.000đ (mười một triệu năm trăm nghìn đồng) rồi đi về.

Lần thứ hai: Sáng ngày 28 tháng 8 năm 2019, Nguyễn Tuấn A đi xe máy BKS: 36K3-062.44 từ nhà đến xã C, huyện N. Khoảng 09 giờ cùng ngày, Tuấn A thấy nhà ông Lê Sỹ T, sinh năm 1964 ở thôn 9, xã C không có người ở nhà, nên đi vào và dựng xe ở sân, quan sát xung quanh, thấy cửa sổ sau nhà không chốt. Tuấn A quay vào sân lấy 01 thanh gỗ đặt trên tường, dùng thanh gỗ bẻ gãy 03 song cửa sổ rồi chui vào, đi thẳng vào buồng ngủ lục trong tủ gỗ treo quần áo lấy được số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) trong túi áo ấm và 01 điện thoại Sam sung J2, để ở kệ ti vi ở phòng khách bỏ vào túi quần rồi chui qua cửa sổ đi về, trên đường về bị cáo kiểm tra thấy điện thoại bị vỡ màn hình, không mở được khóa điện thoại nên rút xuống đường.

Lần thứ ba: khoảng 05 giờ ngày 06 tháng 9 năm 2019, Tuấn A đi xe máy BKS: 36K3-062.44 từ nhà đến nhà chị Lê Thị H, sinh năm 1971 ở thôn 2, xã T, huyện T thấy không có người ở nhà nên Tuấn A đi xe vào sân, thấy cửa nhà khóa nên tìm dụng cụ phá cửa. Tuấn A lấy dao để ở bên trái bếp, dùng dao lách vào cánh cửa, cạy cửa bật chốt, đi vào trong nhà dùng dao và vạm tự chế bị cáo chuẩn bị từ trước để trong cốp xe máy, cạy cánh tủ để ở phòng khách lấy được số tiền 28.100.000đ (hai mươi tám triệu một trăm nghìn đồng), bỏ vào túi quần và đi về.

Lần thứ tư: khoảng 05 giờ ngày 10 tháng 9 năm 2019, Tuấn A đi xe máy BKS: 36K3-062.44 đến nhà chị Trịnh Thị D, sinh năm 1962 ở thôn Y, xã H, huyện T thấy không có người ở nhà nên Tuấn A đi thẳng vào sân rồi đi ra phía sau nhà bẻ gãy song cửa gỗ và chui vào. Dùng vạm tự chế cạy cửa tủ ly để ở giữa nhà lấy được 1.000.000đ và 03 nhẫn vàng (02 nhẫn loại 01 chỉ và 01 nhẫn loại 05 phân), bán tại tiệm vàng ở cây đa Đồng Bối, huyện N, tỉnh T được số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng).

Lần thứ năm: khoảng 05 giờ ngày 13 tháng 9 năm 2019, Tuấn A đi xe máy BKS: 36K3-062.44 từ nhà đến nhà anh Lê Văn X, sinh năm 1963 ở thôn V, xã H, huyện T thấy không khóa cửa cổng nên đi xe máy vào dựng ở sân. Thấy cửa chính cài bằng gậy tre nên dùng tay giật cửa, đi thẳng vào nhà, thấy có 02 con lợn nhựa để ở giỏ quần áo nên lấy mang lại phía sau nhà, dùng tay xé rách 01 con lợn đếm được 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng), liền bỏ tiền vào túi quần, còn 01 con lợn nhựa còn lại Tuấn A bỏ vào cốp xe đi theo đường cũ về nhà. Trên đường đi Tuấn A dùng xe dọc đường dùng tay xé con lợn đếm được số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Lần thứ sáu: khoảng 05 giờ ngày 25 tháng 9 năm 2019, Tuấn A đi xe máy BKS: 36K3-062.44 từ nhà đến nhà chị Trịnh Thị T1, sinh năm 1987 ở thôn C, xã T, huyện T thấy không có ai ở nhà nên Tuấn A dựng xe máy ở sân, đi lại phía nhà ngang lấy thanh sắt cạy cửa vào nhà. Nhìn thấy chiếc tủ để ở phòng khách, Tuấn A dùng thanh sắt cạy cánh tủ lấy được 03 nhẫn vàng hình tròn (02 nhẫn vàng tây, 01 nhẫn vàng ta) rồi bỏ vào túi quần đi về. Trên đường về, Tuấn A dùng xe kiểm tra, đồng thời bỏ nhẫn vào túi áo. Khi về đến nhà kiểm tra thì thấy mất 02 nhẫn vàng tây, còn 01 nhẫn vàng ta, Tuấn A bán cho hiệu vàng ở Khe Hạ, huyện T được số tiền 4.100.000đ (bốn triệu một trăm nghìn đồng).

Tất cả các lần trộm cắp trên Tuấn Anh đã tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ bảy: khoảng 05 giờ ngày 27 tháng 9 năm 2019, Tuấn A đi xe máy 36K3-113.58 từ nhà đến nhà chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1982 ở thôn N, xã T, huyện T thấy không có người ở nhà nên dựng xe ở sân, dùng tay giật mạnh ổ khóa cửa chính rồi đi qua phòng khách vào buồng, lục trong tủ đựng quần áo lấy được 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). Quan sát thấy chiếc két sắt để ở cạnh tủ quần áo đang khóa nên lấy xà beng để ở trái nhà phá két sắt lấy một sợi dây chuyền màu vàng, bỏ vào túi quần rồi đi ra phòng khách thấy chiếc điện thoại Samsung galaxyJ7 ở trên mặt kệ để tivi liền bỏ vào túi quần đi về. Khi đi đến Khe Hạ, huyện T bị cáo bán sợi dây chuyền cho hiệu vàng của anh Nguyễn Văn T2 sinh năm 1981 ở thôn T, xã L, huyện T được 8.200.000đ (tám triệu hai trăm nghìn đồng); bán chiếc điện thoại cho anh Nguyễn Văn Q ở xã L, huyện T với

giá 600.000đ. Tuấn A đã tiêu xài cá nhân gần hết số tiền trên, còn lại 2.500.000đ đã bị thu giữ khi khám xét khẩn cấp tại nhà Tuấn A.

Ngày 02 tháng 10 năm 2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T có Quyết định trưng cầu giám định số 123, trưng cầu Viện khoa học hình sự Bộ công an giám định 01 sợi dây chuyền màu vàng, được chế tác kiểu các móc xích hình số 8 nối với nhau.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019, Viện khoa học hình sự Bộ công an có Bản kết luận giám định số: 5817/C09-P4 kết luận sợi dây chuyền có khối lượng 7,50 gam là vàng (Au), hàm lượng Au là 98,5%.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện T định giá sợi dây chuyền (trộm nhà chị Nguyễn Thị H1) có giá 7.800.000đ (bảy triệu tám trăm nghìn đồng).

Ngày 11 tháng 10 năm 2019, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện T định giá điện thoại Samsung J7 (trộm nhà chị Nguyễn Thị H1) có giá 2.200.000đ (hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Triệu Sơn định giá 01 điện thoại Samsung J4 màu đen (trộm nhà chị L) có giá: 1.200.000đ; 02 nhẫn hai chỉ vàng 9999 giá: 8.300.000đ; 01 nhẫn năm phân vàng 9999 giá: 2.075.000đ (trộm nhà chị D); 02 nhẫn hai chỉ vàng tây giá: 4.100.000đ; 01 nhẫn một chỉ vàng 9999 giá: 4.150.000đ (trộm nhà chị T1).

Ngày 18 tháng 9 năm 2019, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện N kết luận chiếc điện thoại Samsung J2 (trộm nhà ông Lê Sỹ T) có giá 1.374.000đ (một triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T và Công an huyện N, tỉnh T đã truy tìm vật chứng theo lời khai của Nguyễn Tuấn A nhưng không có kết quả.

Bản cáo trạng số 16/CT- VKS, ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, truy tố các bị cáo Nguyễn Tuấn A phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm b,c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Nguyễn Tuấn A khai nhận trong khoảng thời gian từ tháng 7 năm 2019 đến tháng 9 năm 2019, bị cáo lợi dụng vắng mặt của các gia đình bị hại, đã nhiều lần cạy cửa để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, ngoài 7 lần trộm cắp như bản cáo trạng công bố là hoàn toàn đúng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện. Ngoài ra bị cáo còn hành vi một số lần phạm tội khác như sau:

Ngày 28/8/2019 Tuấn A đi xe máy 36K3 – 06244 đến nhà chị Nguyễn thị H2, trú tại: Thôn T, xã T, huyện T dùng thanh kim loại hình chữ T cạy cửa vào nhà lục tủ quần áo lấy được 200.000đ (hai trăm nghìn đồng)

Tháng 9 năm 2019 bị cáo đi xe máy 36K3 – 06244 đến nhà chị Nguyễn Thị L, địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T trộm được 01 điện thoại Samsung màu đen để trên mặt của quạt hơi nước và 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) trong cốp xe máy. Trên đường đi về nhà, bị cáo kiểm tra thấy điện thoại bị hỏng nên rút điện thoại ở dọc đường, không rõ đoạn nào, còn tiền thì tiêu xài cá nhân hết.

Người bị hại trình bày và đề nghị hình phạt, mức bồi thường thiệt hại như sau:

Anh Lê Văn K trình bày: Lợi dụng lúc gia đình không có nhà, bị cáo đã phá cửa vào nhà lục trong túi áo ấm lấy trộm của gia đình anh 11.500.000đ. Nay anh yêu cầu bị cáo có trách nhiệm bồi thường lại số tiền đã trộm của gia đình anh.

Ông Lê Sỹ T trình bày: Gia đình ông bị Nguyễn Tuấn A trộm cắp 5.000.000đ và 01 điện thoại Sam sung J2. Nay ông yêu cầu bị cáo bồi thường số tài sản cho ông theo quy định của pháp luật.

Chị Lê Thị H trình bày: Bị cáo đã trộm nhà chị số tiền chị cất trong túi xách ở ngăn tủ 31.300.000đ (ba mươi một triệu, ba trăm nghìn đồng). Nay yêu cầu bị cáo phải bồi thường lại cho gia đình chị số tiền 31.300.000đ.

Chị Trịnh Thị D trình bày: Gia đình chị bị Tuấn A trộm 1.000.000đ (một triệu đồng); 03 nhẫn vàng gồm 02 nhẫn loại 01 chỉ, 01 nhẫn loại 5 phân. Nay chị yêu cầu bị cáo phải trả lại số tài sản đã trộm theo quy định của pháp luật.

Chị Trịnh Thị T1 trình bày: Gia đình chị bị Tuấn A cậy cửa vào nhà trộm 03 nhẫn vàng hình tròn, trong đó có 02 nhẫn vàng tây loại nhẫn cưới (2 chỉ), 01 nhẫn vàng 9999 (01 chỉ). Nay chị yêu cầu bị cáo bồi thường lại số tài sản trên theo quy định của pháp luật.

Ông Lê Văn X trình bày: Gia đình ông bị Tuấn A trộm cắp 02 con lợn nhựa, đây là tiền tiết kiệm hằng ngày của gia đình, tổng số tiền bỏ vào 02 con lợn nhựa khoảng 6.000.000đ (sáu triệu đồng), mệnh giá chủ yếu là tờ tiền 20.000đ. Nay ông yêu cầu Tòa án buộc bị cáo phải bồi thường cho gia đình ông số tiền trên.

Tất cả người bị hại đều yêu cầu Tòa án áp dụng hình phạt đối với bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày và yêu cầu như sau:

Anh Nguyễn Văn T2 trình bày: Anh làm nghề mua bán vàng, và có cửa hàng tại Thường Xuân. Anh mua của bị cáo 02 chỉ vàng 9999 với giá 8.200.000đ. Khi mua anh không biết đây là tài sản bị cáo trộm cắp mà có. Số vàng trên anh đã giao nộp cho Công an. Nay anh đã nhận được 2.500.000đ của bị cáo từ Công an. Nay anh chỉ yêu cầu bị cáo phải trả cho anh số 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Chị Hà Thị T3 trình bày: Hai chiếc xe máy Honda Wave BKS: 36K3-113.58 và 36K3- 062.44 là tài sản chung của vợ chồng. Chiếc xe 36K3- 113.58 vợ chồng chị mua trả góp từ 1/9/2019, bắt đầu trả góp từ tháng 10/2019 đến 18/6/2020. Bản thân chị đã thực hiện nghĩa vụ trả góp đến nay đã gần thực hiện xong hợp đồng. Còn chiếc xe 36K3- 062.44 chị mua của anh T4, khi mua có viết giấy mua bán xe, nhưng hiện nay chị chưa sang tên, đổi chủ chiếc xe máy trên. Nay chị yêu cầu Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh T tham gia phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn A phạm tội "Trộm cắp tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 173 , điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 47, Điều 38 của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586 và Điều 589 của bộ luật Dân sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn A từ 3 (ba) năm 6 (sáu) tháng đến 4 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/9/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Lê Văn X số tiền: 2.600.000đ; chị Lê Thị H số tiền: 28.100.000đ; chị Trịnh Thị T1 số tiền 8.250.000đ; anh Lê Văn K số tiền 11.500.000đ; ông Lê Sỹ T số tiền 6.374.000đ ; bà Trịnh Thị D số tiền: 11.375.000đ. Chị H1 đã nhận lại một phần tài sản, không yêu cầu, nên không xem xét; Buộc bị cáo bồi thường cho anh T2 số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Về vật chứng đề nghị:

Trả lại cho Nguyễn Tuấn A gồm: 01 ví da màu đen và 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Tuấn A; 01 điện thoại meizu màu đen; 01 điện thoại OPPO màu trắng; 01 điện thoại oppo màu đen; 01 điện thoại NeoSon có IMEI: 865282018646404. Tất cả các tài sản trên đều là tài sản của Nguyễn Tuấn A, không liên quan đến vụ án.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước chiếc xe máy Honda Wave BKS: 36K3-062.44, kèm theo đăng ký xe BKS 36k3 – 062.44.

Tịch thu tiêu hủy 01 thanh kim loại hình màu đen dài 16cm, 01 kéo bằng kim loại 01 áo ấm; 01 áo sơ mi; 01 mũ bảo hiểm do không có giá trị sử dụng.

Trả lại cho chị H1: 01 xà beng.

Trả lại cho anh Lê Đình O là 01 điện thoại samsung J7Pro

Trả lại cho chị Hà Thị T3 01 xe máy Honda Wave BKS: 36K3-113.58;

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật;

Bị cáo Nguyễn Tuấn A không có tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T. Tại lời nói sau cùng trước khi HĐXX vào phòng nghị án, bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội của bị cáo:

Tại phiên tòa hôm nay cũng như quá trình điều tra bị cáo đều khai nhận từ tháng 7 đến tháng 9 năm 2019 lợi dụng sơ hở của một số hộ gia đình đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, với tổng giá trị tài sản 78.399.000 (bảy

mười tám triệu ba trăm chín chín nghìn đồng). Số tiền chiếm đoạt được Nguyễn Tuấn A ăn tiêu cá nhân. Cụ thể bị cáo trộm cắp các vụ như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 25 tháng 7 năm 2019, trộm tại nhà anh Lê Văn K lấy được số tiền 11.500.000đ (mười một triệu năm trăm nghìn đồng).

Lần thứ hai: Ngày 28 tháng 8 năm 2019, trộm tại nhà ông Lê Sỹ T, lấy được số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) và 01 điện thoại Samsung J2 có giá 1.374.000đ.

Lần thứ ba: Ngày 06 tháng 9 năm 2019, trộm tại nhà chị Lê Thị H lấy trong cặp xách được số tiền 28.100.000đ (hai mươi tám triệu một trăm nghìn đồng).

Lần thứ tư: Ngày 10 tháng 9 năm 2019, trộm tại nhà chị Trịnh Thị D, lấy được số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) và 03 nhẫn vàng (02 nhẫn loại 01 chỉ và 01 nhẫn loại 05 phân) trong tủ ly để ở giữa nhà trị giá 10.375.000đ (mười triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Lần thứ năm: Ngày 25 tháng 9 năm 2019, trộm tại nhà chị Trịnh Thị T1, lấy trong tủ để ở phòng khách được 03 nhẫn vàng hình tròn (02 nhẫn vàng tây, 01 nhẫn vàng ta) trị giá 8.250.000đ (tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Lần thứ sáu: Ngày 13 tháng 9 năm 2019, trộm tại nhà anh Lê Văn X, lấy trong hai con lợn nhựa để ở buồng ngủ được số tiền 2.600.000đ (hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

Tất cả số tiền, tài sản trộm cắp trên, bị cáo tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ bảy: Ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại nhà chị Nguyễn Thị H1, lấy được số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng); 01 điện thoại Samsung galaxy J7 trị giá 2.200.000đ và 02 chỉ vàng giá 7.800.000đ (bảy triệu tám trăm nghìn đồng). Lần này số tiền trộm cắp còn lại 2.5000.000đ, bị Công an thu giữ.

Như vậy hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm b,c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất vụ án: Bị cáo Nguyễn Tuấn A do lười lao động, không có việc làm ổn định, trong một thời gian ngắn đã thực hiện liên tiếp 7 lần phạm tội trộm cắp tài sản, lấy việc trộm cắp làm nghề sinh sống, lấy kết quả của việc phạm tội làm nghề sống chính, dùng số tiền trộm cắp tài sản để tiêu xài cá nhân. Hành vi của Nguyễn Tuấn A đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội, gây hoang mang, lo lắng trong dư luận xã hội. Do đó phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật, nhằm giáo dục và phòng ngừa chung.

Về nhân thân: Ngày 12/10/2009 bị Công an huyện L, tỉnh H ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 19/10/2009 Nguyễn Tuấn A đã nộp tiền phạt.

Ngày 21/01/2011 bị Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh H ra Quyết định đưa vào cơ sở giáo dục. Đã chấp hành xong ngày 09/6/2012.

Ngày 20/12/2013 bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh H tuyên phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 138 BLHS. Đã chấp hành xong hình phạt và tiền án phí theo quyết định của án án.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa hôm nay và tại cơ quan điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đầu thú vào ngày 29/9/2019. Vì vậy, Nguyễn Tuấn A được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 2 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] *Về trách nhiệm hình sự:* Sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh T. Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ răn đe, rèn luyện ý thức tuân thủ pháp luật, trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[5] *Về hình phạt bổ sung:* Không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] *Về trách nhiệm dân sự:* Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền cho các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cụ thể như sau:

- Đối với yêu cầu bồi thường của chị H: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay chị Lê Thị H yêu cầu bị cáo phải trả lại cho chị số tiền 31.300.000đ gia đình chị bị mất, nhưng các chứng cứ chị cung cấp về số tiền yêu cầu 31.300.000đ không có, bị cáo chỉ khai lấy trộm tại gia đình chị được hơn 28.000.000đ (hai tám triệu đồng). Vì vậy chỉ buộc bị cáo phải bồi thường cho chị số tiền 28.100.000đ (hai tám triệu một trăm nghìn đồng)

- Anh Lê Văn X yêu cầu bị cáo trả lại cho anh số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng) tiết kiệm trong hai con lợn nhựa bị mất trộm. Việc bỏ tiền tiết kiệm trong hai con lợn nhựa có đều đặn hằng ngày hay không, số tiền bao nhiêu anh không cung cấp được chứng cứ về số tiền yêu cầu. Mặt khác bị cáo khai khi trộm xong, móc tại gia đình anh một con lợn nhựa được 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) và dừng tại đường móc con thứ hai được 2.000.000đ. Như vậy chỉ có căn cứ buộc bị cáo phải bồi thường cho anh X 2.600.000đ (Hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Trịnh Thị T1 số tiền 8.250.000đ (Tám triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng).

- Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Lê Văn K số tiền 11.500.000đ (Mười một triệu, năm trăm nghìn đồng).

- Buộc bị cáo bồi thường cho ông Lê Sỹ T số tiền 6.374.000đ (Sáu triệu, ba trăm bảy mươi tư nghìn đồng).

- Buộc bị cáo bồi thường cho bà Trịnh Thị D số tiền 11.375.000đ (Mười một triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

- Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn T2 số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

- Chị Nguyễn Thị H1 đã nhận được sợi dây chuyền, gia đình bị cáo bồi thường một phần tiền, vì vậy chị không yêu cầu, nên không xét.

- Anh Lê Đình O có đơn xin xét xử vắng mặt. Quá trình điều tra vụ án anh trình bày: Anh làm nghề mua bán, sửa chữa điện thoại, 28/9/2019 có mua của anh Quý 04 chiếc điện thoại, trong đó có máy điện thoại sam sung j7 proo màu vàng, màn hình bị hỏng. Chiếc điện thoại trên anh không biết do bị cáo phạm tội mà có nên đã sửa chữa và bán lại cho người khác, không biết tên và địa chỉ của người mua. Anh O đã nộp cho cơ quan cảnh sát điều tra một điện thoại, khi nộp do nhầm lẫn là điện thoại mua của anh Q, qua xem xét lại, anh thấy đây là chiếc điện thoại không liên quan đến vụ án, anh đề nghị được trả lại chiếc điện thoại trên.

[7] *Về xử lý vật chứng*: Trả lại cho Nguyễn Tuấn A gồm: 01 ví da màu đen và 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Tuấn A; 01 điện thoại meizu màu đen; 01 điện thoại OPPO màu trắng; 01 điện thoại oppo màu đen; 01 điện thoại NeoSon có IMEI: 865282018646404. Tất cả các tài sản này đều là tài sản của bị cáo không liên quan đến vụ án.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 1/2 giá trị chiếc xe máy Honda Wave BKS: 36K3-062.44, kèm theo đăng ký xe BKS 36k3 – 062.44. Mặc dù đăng ký xe mang tên anh Lê Hữu T4, do việc mua bán chưa sang tên đổi chủ, chưa làm giấy tờ chính chủ, nhưng xác định đây là tài sản chung của vợ chồng bị cáo trong thời kỳ hôn nhân, vì vậy trả lại cho chị T3 1/2 giá trị chênh lệch của chiếc xe máy trên khi cơ quan Thi hành án thực hiện việc phát mại tài sản.

Tịch thu tiêu hủy: 01 thanh kim loại hình màu đen dài 16cm, 01 kéo bằng kim; 01 áo ấm; 01 áo sơ mi; 01 mũ bảo hiểm; 01 xà beng do không có giá trị sử dụng.

Trả lại cho anh Lê Đình O là 01 điện thoại samsung J7Pro

Trả lại cho chị Hà Thị T3 01 xe máy Honda Wave BKS: 36K3-113.58 do chiếc xe máy này vợ chồng bị cáo mua trả góp, chị T3 đang thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng;

[8] Do việc mua sợi dây chuyền của anh T2, mua chiếc điện thoại di động Sam sung J7pro của anh Q và anh O là giao dịch dân sự ngay tình, không biết tài sản bị cáo trộm cắp mà có, nên không có căn cứ để xử lý mua bán tài sản đối với anh O, anh Q và anh T3.

[9] Việc bị cáo trộm tài sản ngày 28/8/2019 nhà chị Nguyễn Thị H2, trú tại: Thôn T, xã T, huyện T lấy được 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) và tháng 9 năm 2019 bị cáo đi xe máy 36K3 – 06244 đến nhà chị Nguyễn Thị L, địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T trộm được 01 điện thoại Sam sung màu J4 đen có giá là 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng) và 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) trong cốp xe máy. Do việc trộm cắp tài sản trên không liên tiếp về thời gian, giá trị tài sản mỗi lần trộm cắp dưới 2.000.000đ, nên Cảnh sát điều tra, Viện Kiểm sát không đưa các lần phạm tội này để điều tra, truy tố là hoàn đúng quy định của pháp luật.

[10] *Về án phí*: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b; c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1,2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 47, Điều 48; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Điều 331, 333; 336 Bộ luật tố tụng hình sự ; Điều 584; Điều 585; Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 6; Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tiểu mục 1, mục I danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo nghị quyết 326;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tuấn A phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tuấn A 4 (bốn) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/9/2019.

Phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền cho các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cụ thể như sau: Bồi thường cho chị Lê Thị H số tiền 28.100.000đ (hai tám triệu một trăm nghìn đồng); bồi thường cho anh Lê Văn X số tiền: 2.600.000đ; chị Trịnh Thị T2 số tiền 8.250.000đ; anh Lê Văn K số tiền 11.500.000đ; ông Lê Sỹ T số tiền 6.374.000đ; bà Trịnh Thị D số tiền: 11.375.000đ; Buộc bị cáo bồi thường cho anh T2 số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).Chị H1 đã nhận lại một phần tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét

Trường hợp bản án, quyết định đã được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Về xử lý vật chứng: Trả lại cho Nguyễn Tuấn A gồm: 01 ví da màu đen; 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Tuấn A; 01 điện thoại meizu màu đen; 01 điện thoại OPPO màu trắng; 01 điện thoại oppo màu đen; 01 điện thoại NeoSon có IMEI: 865282018646404.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước giá trị 1/2 giá trị chiếc xe máy Honda Wave BKS: 36K3-062.44, kèm theo đăng ký xe BKS 36k3 – 062.44, trả lại cho chị Tình 1/2 giá trị chênh lệch của chiếc xe máy trên khi cơ quan Thi hành án thực hiện việc phát mại tài sản.

Tịch thu tiêu hủy: 01 thanh kim loại hình màu đen dài 16cm, 01 kéo bằng kim; 01 áo ấm; 01 áo sơ mi; 01 mũ bảo hiểm; 01 xà beng do không có giá trị sử dụng.

Trả lại cho anh Lê Đình O là 01 điện thoại samsung J7Pro01

Trả lại cho chị Hà Thị T 01 xe máy Honda Wave BKS: 36K3-113.58;

Tất cả được giao tại biên bản bàn giao vật chứng ngày 13 tháng 2 năm 2020.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 3.559.900đ (ba triệu, năm trăm năm mươi chín nghìn chín trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên

quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Lê Đình O; Anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị H1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN CHỦ - TỌA PHIÊN TÒA

Trần Duy Năm Trần Xuân Anh

Lê Thị Thủy

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh T
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- THA huyện T
- Bị cáo;
- Người bị hại
- Người có quyền lợi, nv liên quan
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thủy

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thanh Hóa
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- Công an huyện Triệu Sơn;
- THA huyện Triệu Sơn
- Bị cáo;
- Người bị hại
- Người có quyền lợi, nv liên quan
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thủy

.

